

Bản án số: **28/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/9/2021

V/v: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đồi**

Ông **Nguyễn Kim Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương Trà** - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa:
Bà **Lê Thị Vân Anh**- Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số: 89/TB-TA ngày 20/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Hoài P**, sinh năm: 1995. Trú tại: Tổ 42, phường M, quận S, TP. Đà Nẵng; (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn C**, sinh năm: 1991. Trú tại: Tổ 01, phường M, quận S, TP. Đà Nẵng; (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị Hoài P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hoài P và ông Phạm Văn C xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận S, TP. Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống tại nhà cha mẹ ruột ông C ở địa chỉ: Tổ 01, phường M, quận S, TP. Đà Nẵng. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông C thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn và dùng vũ lực đối với bà. Bà đã tha thứ nhiều lần và góp ý để ông C thay đổi nhưng không có kết quả. Vợ chồng ông bà sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Không ai quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của bà đối với ông Phạm Văn C không còn, do đó bà xin được ly hôn với ông Phạm Văn C.

- Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị Hoài P xác định bà và ông Phạm Văn C có 01 con chung là: Phạm Minh N, sinh ngày: 08/02/2016. Ly hôn, bà Phạm Thị Hoài P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Minh N cho đến khi con chung Phạm Minh N đủ 18 tuổi. Yêu cầu ông Phạm Văn C cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Minh N mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung Phạm Minh N đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2021, vào ngày 10 hàng tháng.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà Phạm Thị Hoài P xác định không có.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị Hoài P xác định không có.

* Đối với bị đơn – ông Phạm Văn C: mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa nhưng ông Phạm Văn C đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi nên không ghi nhận được ý kiến của ông về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, riêng bị đơn ông Phạm Văn C không chấp hành triệu tập của Tòa án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Hoài P đối với ông Phạm Văn C.

- Về quan hệ con chung: Áp dụng điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là: Phạm Minh N, sinh ngày: 08/02/2016 cho bà Phạm Thị Hoài P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Buộc ông Phạm Văn C cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2021, vào ngày 10 hàng tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Hoài P xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Tại phiên tòa ông Phạm Văn C vắng mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Hoài P nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Phạm Thị Hoài P là nguyên đơn trong vụ án, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 20/9/2021. Hội đồng xét xử căn cứ điều 228 Bộ luật dân sự đề

xét xử vắng mặt nguyên đơn. Ông Phạm Văn C là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Phạm Văn C vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn. Đồng thời, Hội đồng xét xử căn cứ điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] **Về nội dung:** Bà Phạm Thị Hoài P và ông Phạm Văn C đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND phường M, quận S, TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số: 117/2015 cấp ngày 05/10/2015. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống tại nhà cha mẹ ruột ông C ở địa chỉ: Tổ 01, phường M, quận S, TP. Đà Nẵng. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông C thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn và dùng vũ lực đối với bà. Bà đã tha thứ nhiều lần và góp ý để ông C thay đổi nhưng không có kết quả. Vợ chồng ông bà sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Không ai quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay, bà Phạm Thị Hoài P xác định không còn yêu thương ông Phạm Văn C nữa, bà xin được ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Hoài P đối với ông Phạm Văn C thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa bà Phạm Thị Hoài P và ông Phạm Văn C lại không làm được điều này. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên không tìm được cách giải quyết để hàn gắn và xây dựng gia đình. Qua xác minh tại địa phương cũng thể hiện giữa bà P và ông C có mâu thuẫn dẫn cãi vã, xô xát với nhau, đến tháng 12/2019 bà P không còn chung sống với ông C tại địa phương. Về phía ông Phạm Văn C, Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, trở về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng ông Phạm Văn C đều vắng mặt tại các phiên hòa giải. Việc này cho thấy ông Phạm Văn C không tôn trọng Tòa án và thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy, mâu

thuần của bà Phạm Thị Hoài P và ông Phạm Văn C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Hoài P đối với ông Phạm Văn C là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị Hoài P xác định bà và ông Phạm Văn C có 01 con chung là: Phạm Minh N, sinh ngày: 08/02/2016. Ly hôn, bà Phạm Thị Hoài P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Minh N cho đến khi con chung Phạm Minh N đủ 18 tuổi. Yêu cầu ông Phạm Văn C cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Minh N mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung Phạm Minh N đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2021, vào ngày 10 hàng tháng.

Xét yêu cầu của bà P về việc xin được nuôi con chung thì thấy: Việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần, từ khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, bà P đã đưa con về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột ở địa chỉ: Tổ 42, phường M, quận S, TP. Đà Nẵng. Do đó, cần giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng để con ổn định cuộc sống và mỗi trường học tập là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con cũng như phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, đây là nghĩa vụ, trách nhiệm của bên không trực tiếp nuôi con sau ly hôn, tuy nhiên mức cấp dưỡng nuôi con còn phải căn cứ vào mức thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của con chung. Trong quá trình tố tụng, bà P yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. HĐXX xét thấy phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với điều 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Hoài P xác định vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung. Ông Phạm Văn C vắng mặt nên không ghi nhận được kiến của ông về vấn đề này. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho

các bên đương sự, HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Phạm Thị Hoài P phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng ông Phạm Văn C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn " của bà Phạm Thị Hoài P đối với ông Phạm Văn C.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Hoài P được ly hôn ông Phạm Văn C.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Hoài P đối với ông Phạm Văn C nên giấy chứng nhận kết hôn số 117/2015 do UBND phường M, quận S, TP. Đà Nẵng cấp cho bà Phạm Thị Hoài P và ông Phạm Văn C ngày 05/10/2015 không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là: Phạm Minh N, sinh ngày: 08/02/2016 cho bà Phạm Thị Hoài P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Buộc ông Phạm Văn C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2021, vào ngày 10 hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Phạm Thị Hoài P phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Phạm Thị Hoài P đã nộp tại biên lai thu số 0006774 ngày 07/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Bà Phạm Thị Hoài P đã nộp đủ án phí.

4. Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Phạm Văn C phải chịu.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường M, quận S, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ,

Nguyễn Thị Trâm